TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2018/HS-ST
Ngày: 14-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2018/HSST-QĐ ngày 08 tháng 05 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Trần Thị Ánh Ph, sinh năm 1983; tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hộ khẩu thường trú: Ấp Hải An, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở: Khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Bán vé số; đảng viên: Không; trình độ học vấn: 0/12; Con ông Trần Văn Tài (Đã chết) và bà Nguyễn Thị A (Đã chết); có chồng Nguyễn Kim Th và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2011. Hiện đang sống chung như vợ chồng với Lương Văn T, sinh năm 1983.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 03 tháng 22 ngày tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chưa được xóa án tích.
- Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chưa được xóa án tích.
- Năm 2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Chưa được xóa án tích.

Bị bắt ngày 09/10/2017.

2/ Lương Văn T, sinh năm 1983; tại Đồng Nai.

Hộ khẩu thường trú: Số 61, tổ 1, khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; đảng viên: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Lương Văn G và bà Đào Thị N (Đã chết); chưa có vợ. Hiện đang sống chung như vợ chồng với Trần Thị Ánh Ph, sinh năm 1983 và có 01 con chung là Lương Văn K, sinh năm 2011.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích.

- Năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích.

Người bị hại: Bà **Nguyễn Thị Thanh U**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 8/7A, tổ 2, khu phố 4, phường Quang Vinh, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lương Văn M**, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố B, Đồng Nai.

(Bị cáo Ph, bị cáo T có mặt, bà U, ông M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ánh Ph và Lương Văn T là các đối tượng có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", chưa được xóa án tích. Từ ngày 28/8/2017 Tuấn và Phát thuê nhà trọ chung sống với nhau như vợ chồng tại phường Tam Hiệp, thành phố B. Quá trình chung sống Ph hành nghề bán vé số dạo, do cần tiền tiêu xài nên Ph nảy sinh ý định trộm cắp tài sản với thủ đoạn quá trình bán vé số nếu thấy ai sơ hở trong quản lý tài sản thì trộm cắp.

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 09/10/2017 T điều khiển xe mô tô biển số 60K8-0632 chở Ph đi bán vé số dạo tại khu vực khu phố 4, phường Quang Vinh, thành phố B. Khi tới đoạn đường gần ngã tư Cầu Mới thuộc phường Quang Vinh thì T dừng xe để Ph đi bộ bán vé số. Khi Ph đi vào cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị Thanh U, sinh năm 1979, địa chỉ số 8/7A, tổ 2, khu phố 4, phường Quang Vinh, thành phố B thấy bà U đang nằm ngủ trong tiệm nên Ph lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Model G531H và 01 điện thoại do động hiệu Samsung Galaxy Model G360H của bà U rồi nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài đường, thấy Ph đi ra T điều khiển xe tới chở Phát chạy về hướng phường Bửu Long, trên đường đi Ph đưa 2 chiếc điện thoại trên cho T và nói cho T biết đây là điện thoại mà Ph vừa trộm cắp được. T biết 02 điện thoại trên là của Ph lấy trộm nhưng vẫn cất vào túi quần và chở Ph đi. Ngay sau khi Ph tẩu thoát ra đường để T chở đi thì bà U phát hiện bị mất điện thoại nên nói cho ông Lê N, sinh năm 1980 (là chồng của bà U) biết. Ông N điều khiển xe mô tô đuổi theo T và Ph khi đến trạm thu phí thuộc phường Bửu Long thì ông N cùng quần chúng nhân dân bắt giữ được T và Ph giao cho Công an phường Bửu Long. Kiểm tra trong người T, Công an phường Bửu Long đã thu giữ được 02 chiếc điện thoại trên nên bàn

giao đối tượng và vật chứng cho Công an phường Quang Vinh lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 280/TCKH-HĐĐG ngày 17/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Model G531H và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Model G360H có tổng giá trị là 1.864.000đ.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Model G531H và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Model G360H là tài sản của bà Nguyễn Thị Thanh U bị Ph, T chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bà U.

- 01 xe mô tô biển số 60K8-0632 là phương tiện T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. T khai mượn xe trên của cha ruột là ông Lương Văn M. Hiện giấy chứng nhận đăng ký xe đã mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ để xác minh chủ sở hữu, khi có đủ sơ sở sẽ xử lý sau.

- Số tiền 1.500.000đ thu giữ trong người của Ph không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đề nghị chuyển Chi cục thi hành án dân sự thành phố B để đảm bảo thi hành án.

Về dân sự: Tài sản trộm cắp đã thu hồi và trả cho người bị hại nên bị hại không có yêu cầu gì.

Tại bản Cáo trạng số 105/CT-VKSBH ngày 21/3/2018 và Quyết định sửa đổi bổ sung cáo trạng số 3151/QĐ-VKSBH, ngày 07/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Trần Thị Ánh Ph về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và truy tố bị cáo Lương Văn T về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng và giữ nguyên Quyết định sửa đổi bổ sung cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, tuyên bố bị cáo Trần Thị Ánh Ph phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo Ph mức án từ 10 tháng đến 12 tháng tù giam. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên bố bị cáo T phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, nhập vụ án, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Ánh Ph, Lương Văn T đều thừa nhận khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 09/10/2017, T chở Ph bằng xe mô tô biển số 60K8-0632 đi bán vé số dạo. Tại cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Thanh U địa chỉ khu phố 4, phường Quang Vinh, thành phố B, Ph đã lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Model G531H và 01 điện thoại do động hiệu Samsung Galaxy Model G360H của chị U có tổng giá trị là 1.864.000đ. Sau đó, nhanh chóng tẩu thoát ra xe để T chở đi, trên đường đi Ph đưa 02 cái điện thoại cho T và nói cho T biết vừa trộm cắp được điện thoại nhưng T vẫn cất giữ 02 điện thoại vào túi quần của mình.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Ánh Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Hành vi phạm tội của bị cáo Lương Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 đúng như cáo trạng và quyết định sửa đổi, bổ sung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

[4] Đối với bị cáo Ph năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 03 tháng 22 ngày tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Đều chưa được xóa án tích. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt nêu trên được xác định là căn cứ để định khung hình phạt nên lần phạm tội này của bị cáo không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Đối với bị cáo T năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 10 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" đều chưa được xóa án tích. Trong đó, bản án số 81/2017/HSST, ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã nhận định Tuấn "tái phạm" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật. Biết hành vi trộm cắp và chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Các bị cáo đều là những người có nhiều tiền án, đáng lẽ các bị cáo phải lấy đây là bài học để rèn luyện bản thân nhưng không rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội là thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, cần xử cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[8] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[9] Về vật chứng:

Trả lại số tiền 1.500.000đ cho bị cáo Trần Thị Ánh Ph do không liên quan đến việc phạm tội.

Đối với 01 xe mô tô biển số 60K8-0632 là phương tiện T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. T khai mượn xe trên của cha ruột là ông Lương Văn Hùng. Hiện giấy chứng nhận đăng ký xe đã mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ để xác minh chủ sở hữu, khi có đủ sơ sở sẽ xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Ánh Ph phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Ánh Ph 10 (Mười) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2017.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 250; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có".

Xử phạt bị cáo **Lương Văn T 02 (Hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 17/01/2018 nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 09/10/2017 đến 18/10/2017.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại số tiền 1.500.000đ cho bị cáo Trần Thị Ánh Ph do không liên quan đến việc phạm tội theo biên lai thu số 09674 ngày 06/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 60K8-0632 là phương tiện T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. T khai mượn xe trên của cha ruột là ông Lương Văn M. Hiện giấy chứng nhận đăng ký xe đã mất nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ để xác minh chủ sở hữu, khi có đủ sơ sở sẽ xử lý sau.

Về án phí: Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị Ánh Ph và bị cáo Lương Văn T mỗi người phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm hình sự xử công khai bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố B;
- Nhà tạm giữ CA thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Đào